

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM

Phần	I	II	III
Số câu	13	3	3
Câu\Mã đề	101	102	GỐC
1	B	A	C
2	A	B	D
3	D	C	C
4	A	C	D
5	C	D	D
6	D	C	D
7	B	D	B
8	B	D	C
9	A	C	A
10	D	D	D
11	A	A	C
12	B	C	A
13	C	C	C
1	DDSS	DDDS	DDSD
2	SSDS	DSDS	SSSD
3	DDDS	SSSD	SDSD
1	120	60	60
2	0,5	120	120
3	60	0,5	0,5

B. PHẦN TỰ LUẬN

Câu	Nội dung	Điểm
1	$\delta A = \frac{\Delta A}{A} \cdot 100\%$ ADCT:	0,5
	$\delta A = \frac{2}{120} \cdot 100\% = 1,67\%$ Thay số	0,5
2	Chọn chiều dương là chiều chuyển động, mốc thời gian là lúc bắt đầu hãm phanh $v_0 = 63 \text{ km/h} = 17,5 \text{ m/s}$ $v = 36 \text{ km/h} = 10 \text{ m/s}$ $t_0 = 0$ $t = 3 \text{ s}$	0,25
	$a = \frac{v - v_0}{t - t_0}$ ADCT:	0,25

	$a = \frac{10 - 17,5}{3 - 0} = -2,5m / s^2$	0,5
3	d = 0- 20= - 20km	0,25
	S = 40+60 =100km	0,25
	Tốc độ trung bình: $v = \frac{S}{t} =$ = 25 (km/h)	0,25
	Vận tốc trung bình: $v = \frac{d}{t} =$ -5 (km/h)	0,25

GIÁO VIÊN RA ĐỀ
(Ký, ghi rõ họ tên)

BAN GIÁM HIỆU
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Nga

Vũ Văn Phước

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ CÁC ĐỀ KIỂM TRA VẬT LÝ 10 (2024 – 2025)

I. MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ 1, VẬT LÝ 10

1. Ma trận

- Thời điểm kiểm tra: Giữa kì 1.

- Thời gian làm bài: 45 phút.

- Trắc nghiệm: 70% trong đó 32,5% điểm cho câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn(**13 Câu**), 30% điểm cho câu hỏi trắc nghiệm đúng sai (**3 Câu**), 7,5% điểm cho câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn(**3 Câu**);

- Tự luận: 30% điểm ở mức vận dụng. (**3 Câu**)

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức, kĩ năng	Số câu hỏi TN			Tự luận	Điểm
			TN	ĐS	TLN		
1	Chương 1: Mở đầu	1.1. Làm quen với vật lí.	2				0,5
		1.3. Thực hành tính sai số trong phép đo. Ghi kết quả đo.	2			1	1,5
2	Chương 2: Động học	2.1. Độ dịch chuyển và quãng đường	2	1			1,25
		2.2. Tốc độ và vận tốc	2		1		1,0
		2.3. Thực hành đo tốc độ của vật.	2				0,5
		2.4. Đồ thị độ dịch chuyển – thời gian.	1	1	1	1	2,5
		2.5. Chuyển động biến đổi. Gia tốc.	2	1	1	1	2,75
	Tổng số câu/điểm		13	3	3	3	10 Điểm